

Số: /TTr-UBND

Đắk Glei, ngày tháng năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**V/v đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư, Dự án: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện năm 2022**

Kính gửi: HĐND huyện Khoá XV, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp; Thông tư 02/2018/TT-BKHĐT, ngày 14/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định danh mục loại cây trồng lâm nghiệp chính, công nhận giống và nguồn giống, quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về ban hành định mức trồng rừng, khoán bảo vệ rừng, chăm sóc rừng trồng và khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng;

Căn cứ Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 09/01/2008 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng và chi tiết địa danh, diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp theo chức năng 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh kết quả kiểm kê tỉnh Kon Tum

năm 2014; Quyết định số 257/QĐ-UBND, ngày 02/04/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2020 và đối chiếu với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do UBND xã quản lý;

Căn cứ Văn bản số 101/UBND-NNTN ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chỉ tiêu trồng rừng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Công văn số 1942/UBND –NNTN ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc xử lý tiền dịch vụ môi trường rừng không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng nhận còn tồn trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1862/LN: SNNPTNT-STC-SKHDT ngày 12/7/2021 của liên ngành Sở Nông nghiệp&PTNT, Sở Kế hoạch và đầu tư và Sở Tài chính về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục triển khai các Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất;

Căn cứ Chương trình số 13-CTr/HU ngày 09/11/2020 của ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đăk Glei về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông báo số 498-TB/HU ngày 10/5/2022 của Huyện ủy Đăk Glei về kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy;

Căn cứ Thông báo số 571-TB/HU ngày 22/7/2022 của Huyện ủy Đăk Glei về kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy;

Căn cứ Thông báo số 18/TB-TTHĐND ngày 14/7/2022 của Thường trực HĐND kết luận phiên họp thường kỳ Thường trực HĐND huyện tháng 6/2022.

Căn cứ Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 29/9/2021 trồng rừng tập trung năm 2022 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn huyện Đăk Glei; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 07/3/2022 trồng rừng tập trung năm 2022 trên địa bàn huyện; Quyết định số 1089/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022.

Căn cứ Báo cáo số 10/BC-HĐTĐ, ngày 22/7/2022 của UBND huyện về tổng hợp hàm định đề xuất chủ trương đầu tư nguồn vốn và khả năng cân đối dự án Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện năm 2022.

UBND huyện Đăk Glei kính trình Hội đồng Nhân dân huyện Khoá XV, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện năm 2022, với những nội dung chính sau:

### **I. Thông tin chung dự án:**

**1. Tên dự án:** Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện năm 2022.

**2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** HĐND huyện Đăk Glei.

**3. Cấp quyết định đầu tư dự án:** UBND huyện Đăk Glei.

**4. Tên Chủ đầu tư dự án:** Phòng Nông nghiệp & PTNT, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

**5. Địa điểm thực hiện các dự án:** 10 xã và 01 thị trấn<sup>1</sup>, huyện Đắk Glei.

**6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án và cơ cấu nguồn vốn:**

**6.1. Dự kiến tổng mức đầu tư: 26.392,944** triệu đồng, cụ thể:

- Chi phí trồng rừng (gồm: chi phí cây giống, thuốc BVTV, phân bón các loại, công lao động,... trồng mới và chăm sóc các năm đối với diện tích đã trồng): **25.871,852** triệu đồng.

- Chi phí cho công tác khuyến lâm: **195,5** triệu đồng<sup>2</sup>.

- Chi phí khảo sát, thiết kế hợp đồng: **117,3** triệu đồng.

- Chi phí khác: **208,291** triệu đồng<sup>3</sup> (Theo quy định tại Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính<sup>4</sup>).

(Có phụ lục 01, 02, 03 kèm theo)

**6.2. Về mức vốn từng nguồn:** Nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2022, Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2021 Ngân sách huyện, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ: **4.431,091** triệu đồng, trong đó: Hỗ trợ trồng rừng: **3.910** triệu đồng; Chi phí khảo sát, thiết kế hợp đồng: **117,3** triệu đồng, Chi phí cho công tác khuyến lâm: **195,5** triệu đồng, Chi phí khác: **208,291** triệu đồng.

- Nguồn vốn hộ gia đình, cá nhân đóng góp (gồm: Phát dọn thực bì; đào hố; vận chuyển và bón phân; lấp hố; vận chuyển và trồng cây; trồng dặm; lao động quản lý; chăm sóc năm thứ 1, chăm sóc năm thứ 2, chăm sóc năm thứ 3 (gồm: phát chăm sóc lần 1, xới vun gốc lần 1, phát chăm sóc lần 2, xới vun gốc lần 2, quản lý, bảo vệ,...)): **21.961,852** triệu đồng.<sup>5</sup>

\* Trong đó:

- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2021 của tỉnh: 1.775 triệu đồng.

- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2021 của huyện: 2.059 triệu đồng.

- Nguồn sự nghiệp kinh tế: 597,091 triệu đồng.

- Nguồn vốn hộ gia đình, cá nhân đóng góp: 21.961,852 triệu đồng.

**6.3. Cân đối nguồn vốn:**

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ: **4.431,091** triệu đồng:

<sup>1</sup> Cụ thể: Thị trấn Đắk Glei: 50 ha; Xã Đắk Man: 21,32 ha; Xã Đắk Choong: 56,52 ha; Xã Xốp: 8 ha; Xã Mường Hoong: 21,77 ha; Xã Ngọc Linh: 8,93 ha; Xã Đắk Nhoong: 38,7 ha; Xã Đắk Pék: 48,53 ha; Xã Đắk Kroong: 38,53 ha; Xã Đắk Môn: 18,9 ha; Xã Đắk Long: 79,8 ha.

<sup>2</sup> Chi phí cho công tác khuyến lâm 0,5 triệu đồng/01ha/04 năm: 195,5 triệu đồng, cụ thể chi phí công tác khuyến lâm 01 năm là 48,875 triệu đồng/391ha.

<sup>3</sup> (Trong đó: Chi phí thẩm định giá: 32,453 triệu đồng, Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 23,758 triệu đồng, Chi phí kiểm toán: 44,015 triệu đồng, Chi phí quản lý: 108,069 triệu đồng).

<sup>4</sup> Các chi phí khác thực hiện theo Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước;.

<sup>5</sup> Theo quy định tại Phụ lục Phần 5 – Định mức lao động tổng hợp cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu (tính theo các điều kiện chuẩn F3D3L3) Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về ban hành định mức trồng rừng, khoán bảo vệ rừng, chăm sóc rừng trồng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng.

Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum

Năm	Tổng số	Nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2022, Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2021 Ngân sách huyện, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ghi chú
		Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh	
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.431,091</b>	<b>2.656,091</b>	<b>1.775</b>	
Năm 2022	4.284,466	2.509,466	1.775	
Năm 2023 - 2025	146,625	146,625		<i>Phân khai trong các năm tiếp theo</i>

## 7. Mục tiêu, quy mô và phạm vi đầu tư của các dự án:

**7.1. Mục tiêu đầu tư:** Trồng mới 391 ha rừng sản xuất theo hình thức hỗ trợ trồng cây sản xuất gỗ lớn (*khai thác sau 10 năm tuổi*) với mục tiêu phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần ổn định đời sống người dân sống gần rừng, gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng. Tăng độ che phủ rừng; kết hợp với bảo vệ tài nguyên đất, chống xói mòn, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sinh thái trong khu vực. Thu hút đầu tư trồng rừng, tái tạo rừng để phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

### 7.2. Quy mô đầu tư, đối tượng và định mức hỗ trợ:

- Quy mô: Hỗ trợ trồng mới 391 ha rừng sản xuất, khai thác sau 10 năm tuổi (*sản xuất gỗ lớn*).

- Đối tượng hỗ trợ: Căn cứ tại Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 09/01/2008; Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định số 257/QĐ-UBND, ngày 02/04/2021, trong đó Tổ chức, Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc đối tượng triển khai dự án trồng rừng trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu được quy hoạch là rừng sản xuất được hộ gia đình sử dụng ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp, đất do hộ gia đình và UBND xã quản lý.

- Định mức hỗ trợ: Khoản 1, 3, 4 Điều 5, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Chính phủ<sup>6</sup>, cụ thể:

+ Hỗ trợ trồng rừng: Theo Khoản 1, Điều 5 rừng sản xuất được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước, tổng mức hỗ trợ năm trồng mới theo quy định là: 10 triệu/ha, trong đó: hỗ trợ trồng các loài cây sản xuất gỗ lớn (*khai thác sau 10 năm tuổi*), cây đa mục đích, cây bản địa, mức hỗ trợ 8 triệu đồng/ha và trồng rừng sản xuất tại các xã biên giới, trong đó có các tỉnh vùng Tây Nguyên được hỗ trợ thêm 2 triệu đồng/ha ngoài mức hỗ trợ quy định tại Điểm a, Khoản 1. Các năm chăm sóc tiếp theo hỗ trợ công tác Khuyến lâm theo quy định.

+ Hỗ trợ công tác Khuyến lâm: 500.000 đồng/ha/4 năm (*1 năm trồng và 3 năm chăm sóc*) theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 (*cụ thể: năm trồng mới 2022: 125.000 đồng/ha, 03 năm chăm sóc: Năm 2023: 125.000 đồng/ha, Năm 2024: 125.000 đồng/ha, Năm 2025: 125.000 đồng/ha*).

<sup>6</sup> Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

+ Hỗ trợ một lần năm đầu chi phí khảo sát, thiết kế: 300.000 đồng/ha theo quy định tại Khoản 4, Điều 5.

**8. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022.

**9. Hình thức đầu tư:** Hỗ trợ sau đầu tư, trực tiếp bằng tiền mặt. Đối với công tác trồng cây: Mắc ca, Thông ba lá, Keo tai tượng, Giới đảm bảo theo quy định, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện<sup>7</sup>. *Riêng đối với các xã đăng ký trồng cây Mắc ca, cây Giới Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 10 triệu/ha, còn lại do Nhân dân đóng góp các loại cây lâm nghiệp khác phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện, đảm bảo diện tích thực hiện theo phê duyệt.*

**10. Các thông tin khác (nếu có):** Không.

## **II. Danh mục hồ sơ kèm theo:**

1. Văn bản số 1942/UBND –NNTN ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc xử lý tiền dịch vụ môi trường rừng không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng nhận còn tồn trên địa bàn tỉnh.

2. Công văn số 1862/LN: SNNPTNT-STC-SKHDT ngày 12/7/2021 của liên ngành Sở Nông nghiệp&PTNT, Sở Kế hoạch và đầu tư và Sở Tài chính về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục triển khai các Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất.

3. Thông báo Kết luận số 498-TB/HU ngày 10/5/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

4. Căn cứ Thông báo số 498-TB/HU ngày 10/5/2022 của Huyện ủy Đắk Glei về kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy;

5. Căn cứ Thông báo số 571-TB/HU ngày 22/7/2022 của Huyện ủy Đắk Glei về kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy;

6. Báo cáo Kết quả thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Dự án hỗ trợ trồng rừng trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện Đắk Glei năm 2022.

UBND huyện kính trình HĐND huyện Khoá XV, nhiệm kỳ 2021-2026, Thường trực Huyện ủy xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Y Thanh**

<sup>7</sup>Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; Quy định tại Điều 4, 5 Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định danh mục loại cây trồng lâm nghiệp chính, công nhận giống và nguồn giống, quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính trong đó có cây Mắc ca, Keo tai tượng, Thông 3 lá;...